

Bản án số: 659/2023/HS-PT
Ngày 12-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hình thức trực tuyến với các điểm cầu: điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Nhà Tạm giữ Trại tạm giam T30 tại C, vụ án hình sự thụ lý số 324/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo Phạm Văn Đ cùng đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Thành N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Phạm Văn Đ, sinh năm 1997 tại T trú: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: số B đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Khôngtrình độ học vấn: 6/12dân tộc: Kinh; giới tính: Namtôn giáo: Đạo Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn B bà Nguyễn Thị H (chết); hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con

- Tiền sự: Không

- Tiền án:

+ Ngày 25/6/2015, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 165/2015/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2017.

+ Ngày 25/6/2018, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 04 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 72/2018/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/03/2021 và đã nộp xong án phí dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2021 (có mặt).

2. Nguyễn Thành N, sinh năm 1993 tại T trú: 371/50/4 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không trình độ học vấn: 6/12 dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha không rõ và mẹ là bà Đặng Thị Thu T, sinh 1965; Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con (Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: sống chung như vợ chồng với Đào Thị Thu H1, sinh năm 1994 vào năm 2012 đến năm 2013 chia tay, con Nguyễn Gia T1, sinh năm 2013);

- Nhân thân:

+ Ngày 31/5/2011, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 47/2011/HS-ST). Đến ngày 16/8/2011, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 09 tháng 14 ngày tù, tuyên trả tự do cho bị cáo tại Tòa (Bản án phúc thẩm số 521/2011/HS-PT). Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình xác nhận đã nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Ngày 25/6/2015, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 165/2015/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2017 và đã đóng án phí dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2021 (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo theo chỉ định:

1. Ông Hồ Hoài N1 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ (có mặt).

2. Ông Trịnh Bá T2 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 14 giờ 30 phút ngày 13/5/2021, tại trước nhà số B L, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ tuần tra thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an quận B phối hợp với Công an phường B, quận B bắt quả tang Nguyễn Thành N (sinh năm 1993) đang cất giữ trái phép chất ma túy, thu giữ trên xe gắn máy hiệu VARIO, biển số 59P2-786.19 có 01 bọc nylon màu đen, bên trong có 01 chiếc loa màu đen in dòng chữ P-88 và 01 gói nylon có chữ GUANYINWANG, bên trong gói nylon chứa tinh thể không màu (Kết luận giám

định số 3214/KLGD-MT ngày 21/5/2021 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 977,65 gam, loại Methamphetamine). Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của Nhơn 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số thuê bao 078223602; 01 xe gắn máy hiệu VARIO, màu đen, biển số 59P2-786.19, số khung 4113JK31803; số máy KFE1132501 và 500.000 đồng tiền Việt Nam.

Cùng ngày 13/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của N nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến ma túy. N khai nhận nguồn gốc ma túy nhận từ Phạm Văn Đ, đang trên đường đi giao cho đối tượng tên Ken thì bị bắt quả tang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày 13/5/2021, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an quận B phối hợp Công an P, quận T tiến hành mời Phạm Văn Đ về trụ sở làm việc đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn Đ tại số B đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến ma túy. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đ, tạm giữ của Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số thuê bao 0929993030.

Quá trình điều tra, Phạm Văn Đ khai nhận vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12/5/2021, Đ nhận được điện thoại của một thanh niên tên K (có tên gọi khác là D, không rõ lai lịch) thuê Đ cất giấu và mang ma túy để bán cho người khác, khi xong việc K hứa sẽ trả công cho Đ 500.000 đồng, Đ đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 13/5/2021, K gọi điện và chỉ dẫn Đ đến trụ điện đầu hẻm Đ, Phường A, quận T lấy gói ma túy được để trong bịch nylon màu đen đi cất giấu. Sau khi lấy được gói ma túy, K tiếp tục yêu cầu Đ mua chiếc loa có ký hiệu P-88 với giá 200.000 đồng và cất giấu ma túy vào bên trong chiếc loa trên để chờ đi giao cho người mua ma túy. Tuy nhiên, do Đ không có xe gắn máy nên đã báo với K và K cho Nguyễn Thành N đến gặp Đ để lấy chiếc loa có cất giấu ma túy bên trong. Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 13/5/2021, N điều khiển xe gắn máy biển số 59P2-786.19 đến nhà Đ lấy ma túy theo chỉ dẫn của K mang đi như trên thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Nguyễn Thành N khai nhận vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/5/2021, N nhận được điện thoại của K yêu cầu đến nhà của Phạm Văn Đ lấy gói ma túy được cất giấu trong chiếc loa rồi mang đến khách sạn nào bất kỳ trên đường L, quận B thuê phòng cất giấu gói ma túy trên rồi điện thoại cho K biết vị trí, K sẽ đến lấy sau. Đồng thời, K hứa sẽ trả công cho N 500.000 đồng, N đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 13/5/2021, N điều khiển xe gắn máy biển số 59P2-786.19 đến nhà Đ lấy ma túy theo chỉ dẫn của K mang đi như trên thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Đối với đối tượng tên K do Đ và N khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Căn cứ: điểm b khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Đ tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn Đ để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành N tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 03/4/2023, bị cáo Phạm Văn Đ kháng cáo cho rằng án tuyên tử hình là quá nặng xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 31/3/2023, bị cáo Nguyễn Thành N kháng cáo cho rằng án phạt tù chung thân là quá nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 07/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐ-VKS-P1 đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn Đ vẫn giữ y yêu cầu kháng cáo và xin xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, bị cáo chỉ giúp sức cho K, K là người trực tiếp chỉ đạo, về đối tượng tên K như bị cáo N khai về nhân thân, đề nghị cơ quan Công an làm rõ để xử lý theo pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thành N vẫn giữ y yêu cầu kháng cáo và trình bày hoàn cảnh mẹ già, con nhỏ đang sống chung với mẹ, bị cáo chỉ giúp sức cho đối tượng tên K, K tên thật là Nguyễn Văn H2, sinh năm 1995, cư trú tại Thôn C, xã X, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, khi ở Thành phố Hồ Chí Minh thì ở Khách sạn nên không rõ nơi ở, đề nghị Cơ quan Công an làm rõ để xử lý theo pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ là Luật sư Hồ Hoài N1 trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ do phạm tội chịu sự chỉ đạo của đối tượng K, bị cáo không có hưởng lợi, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân mồ côi cha mẹ từ nhỏ, không được giáo dục tốt, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo để tạo điều kiện được con đường sống.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành N là Luật sư Trịnh Bá T2 trình bày: Án sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, bị cáo N vận chuyển và bị bắt quả tang số lượng ma túy 997 gam nhưng thời gian để biết là ma túy rất ngắn, khi vừa đi giao thì đối tượng K điện thoại thì mới biết đó là ma túy, bị cáo có vai trò mờ nhạt, tại phiên tòa hôm nay cũng thành khẩn khai đối tượng tên K đề nghị xử lý đối tượng K, đây là tình tiết mới, đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, số lượng ma túy bị thu giữ rất lớn: 997,65 gam nên cần áp dụng hình phạt nghiêm minh để răn đe, phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ hình phạt tử hình là đúng người, đúng tội, không oan và tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị cáo N với mức án tù chung thân là nhẹ không nghiêm, số lượng ma túy vận chuyển là lớn nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị tăng hình phạt lên mức tử hình là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, y án tử hình bị cáo Đ chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo N và sửa bản án sơ thẩm phạt bị cáo N với mức án tử hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Thành N khai nhận toàn bộ hành vi, sự việc như bản cáo trạng, bản án sơ thẩm nêu, lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Thành N hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, nhật ký điện thoại của các bị cáo và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Phạm Văn Đ có hành vi giúp đối tượng K bán ma túy cho khách để hưởng tiền công. Bị cáo Nguyễn Thành N có hành vi giúp đối tượng K vận chuyển ma túy để hưởng tiền công. Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 13/5/2021 khi N đang mang ma túy vận chuyển thì bị bắt quả tang, thu giữ 01 bọc nylon màu đen, bên trong có 01 chiếc loa màu đen in dòng chữ P-88 và 01 gói nylon có chữ GUANYINWANG, bên trong gói nylon chứa tinh thể không màu (Kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 977,65 gam, loại Methamphetamine).

[2.2] Căn cứ hành vi của các bị cáo đã thực hiện cùng với số lượng ma túy thu giữ của các bị cáo như đã nêu trên là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, là nguyên nhân mầm mống gây ra các tệ nạn xã hội khác. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Văn Đ đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy theo tội danh và khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017) và bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo tội danh và khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017) nên cấp sơ thẩm quy kết đối với các bị

cáo là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội của các bị cáo.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhận thấy:

[2.3.1] Đối với bị cáo Phạm Văn Đ: kháng cáo cho rằng án tuyên hình phạt Tử hình là quá nặng và xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do bị cáo không giữ vai trò chính mà do đối tượng K chủ mưu, xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Đ là người giúp sức cho đối tượng K bán ma túy cho khách đề hưởng tiền công, bản thân có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017), đồng thời với khối lượng ma túy bị cáo mua bán là lớn 997,65gam. Với mức án Tử hình cấp sơ thẩm áp dụng đã có cân nhắc, xem xét cho bị cáo Đ về tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đã nêu, tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ và quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo cần giữ y mức án đối với bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thành N: kháng cáo cho rằng án tuyên hình phạt tù chung thân là quá nặng và xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do gia cảnh bị cáo mẹ già, con nhỏ rất khó khăn, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khai rõ đối tượng tên K là người chủ mưu, cầm đầu đề nghị xử lý theo pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đề nghị xử phạt bị cáo mức án tử hình do bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xét xử về tội Cướp giật tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt tù lại tham gia vận chuyển trái phép 997,65 gam Methamphetamine là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thể cải tạo giáo dục. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo N phạm tội không có tình tiết tăng nặng, đã 02 lần bị xét xử về tội phạm nghiêm trọng nhưng đã được xóa án tích, bị cáo phạm tội nhưng với vai trò là người giúp sức vận chuyển ma túy cho đối tượng K để hưởng tiền công khi vận chuyển khối lượng ma túy bị thu giữ lớn 997,65gam, tuy nhiên ngay sau khi bắt giữ bị cáo luôn thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội sớm kết thúc vụ án. Với mức án tù chung thân cấp sơ thẩm áp dụng đã có cân nhắc, xem xét cho bị cáo về nhân thân và các giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã nêu, Viện kiểm sát kháng nghị yêu cầu áp dụng hình phạt tử hình đối với bị cáo là quá nghiêm khắc và không cần thiết, với mức hình phạt đã tuyên tù chung thân cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và răn đe phòng ngừa chung; bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N và yêu cầu của Luật sư bào chữa cho bị cáo, cần giữ y mức án đối với bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Đối với lời khai của bị cáo Nguyễn Thành N và Phạm Văn Đ tại phiên tòa phúc thẩm về đối tượng tên K, K tên thật là Nguyễn Văn H2, sinh năm 1995,

cư trú tại Thôn C, xã X, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo pháp luật.

[4] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Phạm Văn Đ hình phạt tử hình nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự về quyền làm đơn xin ân giảm án tử hình là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm, cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị bác kháng cáo của bị cáo Đ là phù hợp nên chấp nhận; kháng nghị đề nghị sửa án về tăng hình phạt đối với bị cáo N là không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận, cần giữ y án sơ thẩm.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định do kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Thành N; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa án phần hình phạt đối với bị cáo N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ: điểm b khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Đ Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn Đ để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Đ được gửi đơn lên Chủ tịch N2 để xin ân giảm án Tử hình.

2. Căn cứ: điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành N tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

3. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo pháp luật đối với lời khai của bị cáo Nguyễn Thành N và Phạm Văn Đ tại phiên tòa phúc thẩm về đối tượng tên K, K tên thật là Nguyễn Văn H2, sinh năm 1995, cư trú tại Thôn C, xã X, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là người chủ mưu trong vụ án.

4. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Thành N mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), để sung quỹ Nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện trưởng VKSND tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Để tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh

Vương Minh Tâm

Nguyễn Văn Minh